

CHÍNH SÁCH CỦA THÁI LAN ĐỐI VỚI NGƯỜI VIỆT NAM TẢN CƯ GIAI ĐOẠN 1950 - 1975

TRẦN THỊ NHÃN*

Tóm tắt: Giai đoạn cuối thế kỷ XIX - đầu thế kỷ XX, trong khi các quốc gia ở khu vực Đông Nam Á lần lượt trở thành thuộc địa hoặc phụ thuộc vào các nước thực dân và tư bản phương Tây thì Thái Lan vẫn giữ được nền độc lập, hòa bình. Trong bối cảnh đó, Thái Lan phải đón nhận làn sóng di dân từ các quốc gia lân cận - đang phải chịu ách cai trị, đàn áp của thực dân, đế quốc - như một sự tất yếu khách quan. Chính sách của chính phủ Thái Lan đối với ngoại kiều hoàn toàn phụ thuộc vào chính phủ cầm quyền và chế độ chính trị của quốc gia có cư dân đến sinh sống trên đất nước Thái Lan. Giai đoạn 1950-1975, sự khác biệt về chế độ chính trị và mục đích phát triển quốc gia của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Chính phủ Thái Lan đã khiến cho Việt kiều gặp rất nhiều khó khăn trong cuộc sống tại đất nước Thái Lan. Bài viết khái quát chính sách và các nhân tố tác động đến chính sách của chính phủ Thái Lan đối với người tãn cư Việt Nam giai đoạn 1950-1975.

Từ khóa: người tãn cư, chính sách, Thái Lan, Việt Nam.

1. Chính sách của chính phủ Thái Lan đối với người Việt Nam tãn cư

Người Việt Nam đến sinh sống ở Thái Lan rải rác vào những thời điểm khác nhau, song đông nhất là từ những thập niên đầu thế kỷ XX. Nguyên nhân chính là do những biến động về chính trị - xã hội bởi chính sách cai trị, đàn áp mà thực dân Pháp và quân phiệt Nhật gây ra tại Việt Nam. Tính đến năm 1950, số lượng

người Việt Nam ở Thái Lan lên đến khoảng 50.000 người⁽¹⁾. Cuộc sống và số phận của người Việt Nam tại Thái Lan có sự thay đổi khác nhau, phụ thuộc vào chính sách của chính phủ cầm quyền. Giai đoạn 1950 - 1975, Chính phủ Thái Lan đã thực hiện chính sách riêng biệt với Việt kiều tại Thái Lan, gọi họ là người Việt Nam tãn cư (VNTC).

Trước năm 1950, người Việt Nam tãn cư ở Thái Lan được hưởng chính sách nhân

* TS. Trần Thị Nhã, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

đạo của Chính phủ Thái Lan. Người VNTC không bị hạn chế địa bàn cư trú, được tự do sinh sống trên đất nước Thái Lan. Họ chủ yếu định cư tập trung ở các tỉnh biên giới Đông Bắc Thái Lan, tiếp giáp với Lào. Chính phủ Thái Lan cũng có chính sách khá phù hợp với người VNTC nhằm tạo điều kiện, giúp đỡ họ ổn định đời sống, việc làm như: cho phép người Việt Nam được nhập quốc tịch Thái Lan, được Chính phủ cấp đất để ở, được hỗ trợ tiền để làm ăn sinh sống.

Tuy nhiên, trong giai đoạn 1950-1975, Chính phủ Thái Lan thực hiện chính sách cứng rắn đối với người VNTC, khiến cho họ bị phân biệt đối xử, không được hưởng sự bình đẳng như những ngoại kiều của các quốc gia khác sống trên đất nước Thái Lan.

Thứ nhất, Chính phủ Thái Lan thi hành biện pháp dồn dân, quy định vùng cư trú bắt buộc cho người Việt Nam tị nạn.

Từ năm 1950, Chính phủ Thái Lan quy định chặt chẽ về địa bàn cư trú cho người VNTC. Ngày 5/8/1950, Chính phủ Thái Lan ban hành Quy định số 250/1950 cho phép người VNTC chỉ được cư trú tại 8 tỉnh phía Bắc và Đông Bắc, gồm: Nong Khai, Nakhon Phanom, Ubon Ratchathani, Sakon Nakhon, Udon Thani, Khonken, Sisaket và Prachinburi. Tuy nhiên, mới chỉ sau 12 ngày thực hiện, đến ngày 17/8/1950, Chính phủ Thái Lan đã bãi bỏ Quy định số 250/1950, đồng thời, ban hành lệnh mới thu hẹp địa bàn cư trú của người VNTC xuống còn trong phạm vi 5 tỉnh biên giới là: Nong Khai, Nakhon Phanom, Ubon Ratchathani, Sakon

Nakhon và Prachinburi⁽²⁾.

Trong giai đoạn 1953 - 1954, tình hình chiến sự và chính trị ở Đông Dương diễn biến phức tạp, đã tác động và đe dọa đến sự ổn định ở vùng biên giới của Thái Lan. Nhận thấy việc tập trung người VNTC ở vùng biên giới phía Bắc - Đông Bắc, giáp với Lào và Campuchia, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho phong trào cách mạng của ba nước Đông Dương, Chính phủ Thái Lan chủ trương di dời người VNTC xuống sáu bán đảo phía Nam. Để thực hiện, Chính phủ Thái Lan đã sử dụng biện pháp cưỡng bức bắt người VNTC, trong đó đối tượng chính là nam giới khỏe mạnh, đưa đến quần thóc tập trung tại khu vực quy định ở hai tỉnh Surat Thani và Patthalung. Song, do người VNTC đã đấu tranh, phản đối mạnh và được sự ủng hộ của chính người dân Thái Lan nên kế hoạch của Chính phủ Thái Lan không thực hiện được triệt để. Những người bị bắt, cưỡng bức sau đó đã được tự do sinh sống hợp pháp tại hai tỉnh Surat Thani và Patthalung; hoặc được cấp giấy phép trở về nơi cư trú ban đầu cùng gia đình⁽³⁾.

Từ năm 1964 đến năm 1975, nhằm quản lý chặt chẽ người VNTC, Chính phủ Thái Lan đã thành lập các "trung tâm giáo dục đặc biệt" tại Latbuakhao, tỉnh Nakhon Ratchasima, do Ủy ban quản lý người VNTC Thái Lan quản lý. Thực chất những trung tâm này chính là nơi giam giữ những người VNTC mà phía Thái Lan cho rằng có nguy hiểm đối với đất nước họ⁽⁴⁾.

Việc dồn người VNTC vào những vùng cư trú bắt buộc của Chính phủ Thái Lan đã

gây nên sự xáo trộn lớn về chỗ ở, công việc làm ăn, quan hệ cộng đồng, đặc biệt là tạo ra sự hoang mang về tâm lý cho người VNTC ở Thái Lan.

Thứ hai, Chính phủ Thái Lan ép buộc người Việt Nam tảo cư về nước.

Tháng 7/1954, cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp xâm lược của nhân dân Việt Nam giành thắng lợi, miền Bắc Việt Nam được hòa bình, độc lập. Chính phủ Thái Lan cho rằng người VNTC chủ yếu là dân tị nạn tránh chiến tranh, do đó, chiến tranh ở Việt Nam đã kết thúc thì người VNTC phải trở về nước.

Từ năm 1954 đến năm 1960, Thái Lan thực hiện chính sách buộc người Việt Nam tảo cư về nước một cách quyết liệt. Trong lời phát biểu của Thống chế Sarit Thanarat, ngày 24/6/1959, khẳng định: "Người Việt Nam tảo cư đang cư trú tại Thái Lan đã bị ảnh hưởng của cộng sản cho nên đều phải chuyển ra ngoài nước ngay"⁽⁵⁾. Chính phủ Thái Lan yêu cầu chính quyền các địa phương có người VNTC sinh sống đình chỉ mọi đăng ký mới, không gia hạn giấy phép đăng ký nơi cư trú và nghề nghiệp; mục đích là chuẩn bị cho việc trả hết người VNTC về nước.

Ngày 9/5/1958, Chính phủ Thái Lan tuyên bố sẽ trả 40.000 người VNTC về nước. Trước tình hình đó, ngày 21/1/1959, Thủ tướng Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đã gửi Công hàm tới Thủ tướng nhiều quốc gia Á - Phi về vấn đề Việt kiều ở Thái Lan để bày tỏ sự quan ngại; đồng thời, đề nghị thành lập Hội Hồng thập tự ở hai nước Việt Nam và Thái Lan để cùng

thương lượng, giải quyết vấn đề Việt kiều Thái Lan hồi hương⁽⁶⁾.

Sau gần một năm đàm phán giữa hai Hội Hồng thập tự của hai nước, tháng 1/1960, đợt hồi hương đầu tiên của Việt kiều Thái Lan diễn ra. Trong đợt này, có tất cả 922 Việt kiều Thái Lan đã cập cảng Hải Phòng, trở về miền Bắc Việt Nam an toàn⁽⁷⁾.

Tuy nhiên, từ năm 1964 trở đi, sau sự kiện "Vịnh Bắc Bộ" (tháng 8/1964), việc hồi hương của Việt kiều tại Thái Lan trở về miền Bắc Việt Nam gặp cản trở và phải dừng lại. Trong bối cảnh đó, Chính phủ Thái Lan bắt tay với chính quyền Việt Nam Cộng hòa cưỡng ép người Việt Nam tảo cư trở về miền Nam Việt Nam. Điển hình là vụ diễn ra vào tháng 9/1968, chính quyền Thái Lan đã cưỡng bức 99 người Việt Nam đưa lên máy bay chở sang miền Nam Việt Nam giao cho chính quyền Việt Nam Cộng hòa quản thúc. Sự kiện này gây nên sự phẫn nộ và phản đối mạnh mẽ của cộng đồng người Việt tại Thái Lan. Nhiều cuộc đấu tranh, đưa yêu sách yêu cầu Chính phủ Thái Lan phải đưa 99 người Việt Nam bị bắt trả về đoàn tụ với gia đình của họ tại Thái Lan. Song, chính quyền Thái Lan đã không đáp ứng giải quyết⁽⁸⁾.

Trong giai đoạn từ năm 1970 đến năm 1975, Chính phủ Thái Lan vẫn thực hiện chính sách phân biệt đối xử với người VNTC, giữ nguyên chủ trương chuyển hết người Việt Nam về nước.

Thứ ba, Chính phủ Thái Lan thi hành chính sách quản lý, giám sát chặt chẽ người Việt Nam tảo cư.

Với những người VNTC chưa được hồi hương, Chính phủ Thái Lan tăng cường quản lý, giám sát, có những biện pháp mạnh về quyền dân chủ đối với người VNTC. Về kinh tế, người VNTC bị quản lý chặt chẽ hơn như cấm tham gia hoạt động trong một số nghề, gồm: chụp hình, sửa chữa radio, sửa xe máy, làm thợ điện, mở hiệu bán thuốc, may mặc, làm ruộng...; Người VNTC hành nghề phải đóng thuế 1.000 bạt/năm; nếu có cửa hàng, cửa hiệu riêng phải đóng thuế thu nhập, đăng ký kinh doanh phải đóng thuế thương mại 500 bạt/năm⁽⁹⁾. Tình hình đó khiến cho người Việt Nam ở Thái Lan gặp rất nhiều khó khăn trong việc làm ăn, mưu sinh.

Về chính trị xã hội, người VNTC không được phép mở trường học riêng cho con em người Việt. Con em của người VNTC phải đến học tại các trường do nhà nước Thái Lan mở. Từ năm 1972, Chính phủ Thái Lan không cấp quốc tịch Thái Lan cho con, cháu người VNTC⁽¹⁰⁾; sửa đổi luật đi lại đối với người VNTC như: đi ra khỏi huyện phải làm đơn và được tỉnh phê chuẩn, ra khỏi tỉnh phải được trung ương phê chuẩn cho phép, nếu vi phạm, thay phải nộp tiền như trước thì bị bắt giữ quản thúc tại trung tâm giáo dục đặc biệt ở Latbuakhao. Ngoài ra, Chính phủ Thái Lan còn cấm người VNTC treo ảnh Bác Hồ, không được nghe các chương trình của Đài Tiếng nói Việt Nam Dân chủ Cộng hòa; cưỡng bức người VNTC phải đăng ký làm công dân của Chính quyền Việt Nam Cộng hòa, chịu sự quản lý của Sứ quán Việt Nam cộng hòa ở Thái Lan. Chính phủ Thái Lan đã cho phép các phòng

thông tin của Sứ quán Việt Nam Cộng hòa được lập ở khắp các địa phương có người Việt Nam sinh sống. Nếu người VNTC chống đối, sẽ bị quản thúc, cấm đi lại khỏi nơi cư trú⁽¹¹⁾.

Đặc biệt, Chính phủ Thái Lan còn thực hiện chính sách đàn áp, bắt bớ người VNTC bị tình nghi là cộng sản. Điển hình như vụ việc xảy ra vào cuối năm 1953, Chính phủ Thái Lan đã bắt 120 người VNTC và tổng giam vào nhà tù ở Băng Cốc; năm 1958, hơn 280 người VNTC bị bắt và tổng giam vào tù; các năm 1972, 1973, 1974, hơn 200 người VNTC bị bắt và đưa vào quản thúc tại trung tâm giáo dục đặc biệt (trại giam) ở Latbuakhao⁽¹²⁾.

2. Nhân tố tác động đến chính sách của Thái Lan đối với người nhập cư Việt Nam giai đoạn 1950 - 1975

Có thể thấy chính sách của Chính phủ Thái Lan đối với người Việt Nam tân cư trong giai đoạn 1950-1975 biểu hiện rõ sự phân biệt, thậm chí cao hơn còn có cả sự cưỡng bức, đàn áp. Vấn đề này có thể được xem xét trên một số lý do sau:

Một là, do chính sách đối ngoại của Chính phủ Thái Lan với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.

Trước năm 1950, đặc biệt là dưới thời Thủ tướng Pridi Phanomyong cầm quyền, Chính phủ Thái Lan đã ủng hộ phong trào giải phóng dân tộc của các nước trong khu vực Đông Nam Á, trong đó có ba nước Đông Dương, bằng cách cho phép sử dụng lãnh thổ Thái Lan làm nơi cư trú và xây dựng các lực lượng cách mạng giải phóng

dân tộc. Trong giai đoạn 1945 - 1950, Chính phủ Thái Lan đã có quan hệ tốt đẹp với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Tháng 4-1947, Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa mở Cơ quan đại diện tại thủ đô Bangkok và hưởng quy chế ngoại giao, lập phòng thông tin để liên lạc với thế giới trong điều kiện Việt Nam đang bị bao vây cô lập. Chính phủ Thái Lan còn ủng hộ vũ khí cho Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa để tiến hành cuộc kháng chiến giải phóng dân tộc. Người Việt Nam tản cư vào Thái Lan được giúp đỡ, tạo điều kiện làm ăn, sinh sống.

Từ tháng 4/1948, phái quân sự do Phibun Xôôngkhrum đứng đầu làm đảo chính giành quyền điều hành Chính phủ từ Đảng Dân chủ, chính thức thiết lập nền độc tài quân sự ở Thái Lan. Về đối ngoại, chính phủ Thái Lan thực hiện chính sách thân Mỹ, trở thành đồng minh thân cận của Mỹ, chống lại phong trào cách mạng của ba nước Đông Dương nói chung và Việt Nam nói riêng.

Trong quan hệ với Việt Nam, ngày 28/2/1950, Chính phủ Thái Lan công nhận Chính phủ Quốc gia Việt Nam - chính phủ tay sai của thực dân Pháp, do Bảo Đại làm Quốc trưởng kiêm Thủ tướng⁽¹³⁾ và cắt đứt quan hệ với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa. Đến tháng 6/1951, Thái Lan chấm dứt hoàn toàn và trục xuất về nước cơ quan đại diện của Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Thái Lan⁽¹⁴⁾.

Sau khi thực dân Pháp bị thất bại trong cuộc chiến tranh xâm lược Việt Nam (tháng 7/1954), đế quốc Mỹ tiến hành xâm

lược và cai trị miền Nam Việt Nam từ năm 1954 đến năm 1975. Trong giai đoạn này, Thái Lan tăng cường hợp tác với Mỹ, nhằm có được sự bảo đảm chắc chắn về an ninh quốc gia; và hơn hết, là nhận được những khoản viện trợ lớn về kinh tế và quân sự để giải quyết những khó khăn về kinh tế, xã hội, thực hiện công nghiệp hóa đất nước và hiện đại hóa quân đội. Vì vậy, Chính phủ Thái Lan đã công nhận chính quyền tay sai Việt Nam Cộng hòa của Mỹ ở miền Nam Việt Nam; đồng ý cho Việt Nam Cộng hòa mở đại sứ quán tại thủ đô Bangkok. Đồng thời, Thái Lan thực hiện chính sách thù địch với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và phong trào cách mạng giải phóng dân tộc của nhân dân Việt Nam. Lẽ tất nhiên, người Việt Nam sinh sống ở đất nước Thái Lan cũng trở thành đối tượng thù địch của Chính phủ Thái Lan.

Đây là nguyên nhân chính dẫn đến sự thay đổi trong chính sách đối với người Việt Nam ở Thái Lan của Chính phủ Thái Lan.

Hai là, do lo ngại "hiệu ứng Domino" về sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản ở châu Á và luật chống cộng sản của Chính phủ Thái Lan.

Sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, sự lớn mạnh của hệ thống xã hội chủ nghĩa trên thế giới, với sự ra đời của nước Cộng hòa nhân dân Trung Hoa (năm 1949) và miền Bắc Việt Nam (năm 1954) khiến Mỹ và các nước đồng minh lo ngại bởi một sự lan tỏa chủ nghĩa cộng sản ra toàn châu Á.

Thái Lan là quốc gia ở khu vực Đông Nam Á sớm phát triển theo con đường chủ

nghĩa tư bản. Từ sau Chiến tranh thế giới thứ Hai, Thái Lan tăng cường quan hệ với các nước tư bản phương Tây, trong đó, thiết lập quan hệ đồng minh mật thiết với Mỹ. Thái Lan lo sợ ảnh hưởng của chủ nghĩa cộng sản từ Trung Quốc, Việt Nam... sẽ xâm nhập mở rộng đến đất nước mình, đe dọa nền an ninh quốc gia. Vì vậy, Việt Nam trở thành "nguy cơ" mà Thái Lan cần ngăn chặn và đối đầu. Tháng 11/1952, Chính phủ Thái Lan ban hành luật chống cộng sản, cấm các đảng phái chính trị hoạt động, đồng thời khủng bố cả các lực lượng dân chủ và tiến bộ ở Thái Lan. Tháng 9/1954, Thái Lan là một thành viên tích cực tham gia thành lập Tổ chức hiệp ước Đông Nam Á (SEATO) và cam kết hành động để đối phó với nguy cơ chung, ủng hộ Mỹ trong các vấn đề khu vực và quốc tế.

Đối với người Việt Nam ở Thái Lan, từ trước năm 1950, những người cộng sản và hoạt động cách mạng Việt Nam đã đến Thái Lan, xây dựng tổ chức, phát triển lực lượng, thành lập Đảng bộ Việt kiều, xây dựng cơ sở Hội Việt kiều cứu quốc, hướng về Tổ quốc phục vụ sự nghiệp cách mạng giải phóng dân tộc. Vì vậy, sau khi ngừng quan hệ với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, Chính phủ Thái Lan cho rằng người Việt Nam tị nạn ở Thái Lan đều là cộng sản, có quan hệ mật thiết với miền Bắc xã hội chủ nghĩa, sẽ là mầm mống lan tỏa chủ nghĩa cộng sản đến các đảng phái có xu hướng dân chủ ở Thái Lan, tác động xấu đến tình hình an ninh chính trị, xã hội ở Thái Lan.

Hơn nữa, với lòng yêu nước, người VNCTC đã tích cực huấn luyện quân sự để trở về nước chiến đấu; tích trữ vũ khí, đạn dược, quyền góp tiền, vàng chuyển về nước, liên hệ và ủng hộ với phong trào cách mạng trong nước chống lại Mỹ và chính quyền Việt Nam Cộng hòa.

Vì vậy, trong giai đoạn 1950-1975, Chính phủ Thái Lan thực hiện chính sách cứng rắn đối với người VNCTC, trong đó mạnh nhất là buộc người Việt Nam tị nạn về nước một cách quyết liệt. Những biện pháp như quy định phạm vi cư trú, tăng cường quản lý, giám sát... đều nhằm mục đích là ngăn chặn và chống lại sự bành trướng của chủ nghĩa cộng sản, đảm bảo an ninh quốc gia.

Tóm lại, giai đoạn 1950 - 1975 là giai đoạn có nhiều biến động về lịch sử và chính trị ở cả đất nước Thái Lan và Việt Nam. Những biến động đó đã tác động rõ đến chính sách của Chính phủ Thái Lan đối với Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và người Việt Nam sinh sống ở Thái Lan. Người Việt Nam ở Thái Lan bị quy định và chịu sự quản lý chặt chẽ về địa bàn cư trú, về làm ăn kinh tế, về các sinh hoạt xã hội, quyền chính trị. Đặc biệt, từ năm 1958 đến năm 1964, Chính phủ Thái Lan đã buộc người Việt Nam ở Thái Lan phải hồi hương. Chính sách cứng rắn của Chính phủ Thái Lan đối với người Việt Nam tị nạn trong những năm 1950-1975 đã phá vỡ mối quan hệ tốt đẹp giữa hai Chính phủ và nhân dân hai nước được xây đắp từ trước năm 1950. Điều đó cũng đặt ra vấn đề cần giải quyết trong

việc bình thường hóa quan hệ giữa hai nước từ sau năm 1975./

CHÚ THÍCH

1. Thanavan Boon wanna (2008), *Quan hệ Thái Lan - Việt Nam (1976 - 2004)*, Luận án tiến sỹ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, tr.23.
2. Thanavan Boon wanna (2008), tldd, tr.41-42.
3. *Nhiệm vụ, đường lối và phương châm của tổ chức cách mạng Việt kiều từ năm 1945 đến năm 1975*, Ban Đông Nam Á, 1976, tr. 9, 10, 15, Tài liệu lưu trữ tại Thư viện Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, ký hiệu TL127.
4. Đến năm 1992, những trung tâm giáo dục đặc biệt này mới được Chính phủ Thái Lan bãi bỏ.
5. Thanavan Boon wanna (2008), tldd, tr.50.
6. Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam, *Biên niên Lịch sử Chính phủ Việt Nam 1945-2005*, tập 2: 1955-1976, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2006, tr.312-313.
7. Báo Nhân Dân, số 2125, ngày 11/1/1960, tr.1.
8. *Nhiệm vụ, đường lối và phương châm của tổ chức cách mạng Việt kiều từ năm 1945 đến năm 1975*, tldd, tr.16-17.
9. Thanavan Boon wanna (2008), tldd, tr.45.
10. Thanavan Boon wanna (2008), tldd, tr.46.
11. *Nhiệm vụ, đường lối và phương châm của tổ chức cách mạng Việt kiều từ năm 1945 đến năm 1975*, tldd, tr.12, 20, 23.
12. *Nhiệm vụ, đường lối và phương châm của tổ chức cách mạng Việt kiều từ năm 1945 đến năm 1975*, tldd, tr.11,17,24.
13. Chính phủ Quốc gia Việt Nam thành lập ngày 1-7-1949, là chính phủ tay sai của thực dân Pháp.

14. Phủ Thủ tướng, *Việc ra khỏi Thái Lan của nhà lãnh đạo Việt Nam - Lào ngày 5-7-1951*, Trung tâm lưu trữ quốc gia Thái Lan, Ký hiệu S.R0201.37.6/11 bí mật số 7500/1951; và Trần Thị Nhẫn (2018), *Về cơ quan đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Thái Lan (4/1947 - 5/1951)*, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 10 (335), 2018.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Ban Chỉ đạo biên soạn Lịch sử Chính phủ Việt Nam (2006), *Biên niên Lịch sử Chính phủ Việt Nam 1945-2005*, tập 2: 1955-1976, Nxb Văn hóa Thông tin, Hà Nội, 2006, tr.312-313.
2. Báo Nhân Dân, số 2125, ngày 11/1/1960.
3. D.G.Hall (1997), *Lịch sử Đông Nam Á*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1997.
4. Khachátphay Burutpat (1988), *Thái Lan với các nước láng giềng Đông Dương*, Prepittaya, Băng Cốc, 1988.
5. *Nhiệm vụ, đường lối và phương châm của tổ chức cách mạng Việt kiều từ năm 1945 đến năm 1975*, Ban Đông Nam Á, 1976.
6. Lê Văn Quang (1995), *Lịch sử vương quốc Thái Lan*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1995.
7. Thanavan Boon wanna (2008), *Quan hệ Thái Lan - Việt Nam (1976 - 2004)*, Luận án tiến sỹ Lịch sử, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn Thành phố Hồ Chí Minh, 2008.
8. Trần Thị Nhẫn (2018), *Về cơ quan đại diện Chính phủ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa tại Thái Lan (4-1947 - 5-1951)*, Tạp chí Lịch sử Đảng, số 10 (335), 2018.
9. *Việc ra khỏi Thái Lan của nhà lãnh đạo Việt Nam - Lào ngày 5-7-1951*, Trung tâm lưu trữ quốc gia Thái Lan, Ký hiệu S.R0201.37.6/11 bí mật số 7500/1951.